TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14 /2025/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 05 - 2025

V/v: "Kiện ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thanh Hương

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tưởng Thị Tuyết

2. Bà Đinh Thị Hạnh

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà***: Ông Trần Duy Khoái - Kiểm sát viên.

Ngày 16/05/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2025/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2025 về việc kiện "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 04 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lầu Thị T** - Sinh năm 1979

Địa chỉ: thôn Khu Chu P, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Mông Thu Thảo - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tân trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai. (có mặt)

2. Bị đơn: **Anh Vừ A** - Sinh năm 1979

Địa chỉ: thôn Khu Chu P, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lầu Thị T trình bày: Chị Lầu Thị T và anh Vừ A được hai bên gia đình giới thiệu và về chung sống như vợ chồng từ năm 1998. Sau đó được tuyên truyền của chính quyền địa phương đến ngày 26/07/2003 chị Lầu Thị T và anh Vừ A tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn chị Lầu Thị T và anh Vừ A chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do luôn bất đồng quan điểm sống, anh Vừ A có tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi

nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị Lầu Thị T và anh Vừ A đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay chị Lầu Thị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Lầu Thị T được ly hôn với anh Vừ A.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Lầu Thị T và anh Vừ A có 02 người con chung cháu Vừ H - sinh ngày 10/10/2000, cháu Vừ L - sinh ngày 04/04/2003. Hiện hai cháu Vừ H và Vừ L đã đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi nên chị Lầu Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Lầu Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với bị đơn anh Vừ A: Sau khi Toà án thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng của Toà án cho anh Vừ A nhưng anh Vừ A đã từ chối nhận thông báo thụ lý vụ án số 16/2025/TB- TLVA ngày 17/03/2025, Quyết định phân công thẩm phán, thư ký số 16/2025/QĐ – TA ngày 17/03/2025 của Tòa án nhân dân huyện B, Tòa án đã tiến hành mời ông Vừ A Sáng công an xã phụ trách thôn Khu Chu P, xã S đến nhà anh Vừ A chứng kiến và lập biên bản về việc anh Vừ A từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và anh Vừ A cũng không có văn bản, hay ý kiến trả lời về việc chị Lầu Thị T có đơn xin ly hôn, anh Vừ A cũng không đến toà án làm bản tự khai và không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, ngày 16/04/2025 Tòa án tiến hành lấy lời khai của của Vừ A, ngày 26/04/2025 Tòa án tiến hành giao quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 25/04/2025, Quyết định phân công Hội thẩm nhân dân số 13/2025/QĐ- TA, Giấy triệu tập số 41/2025/GTT ngày 25/04/2025 anh Vừ A đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ngày 14/05/2025 anh Vừ A có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, điều 57 của Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về ly hôn: Xử cho chị Lầu Thị T được ly hôn anh Vừ A

Về án phí: Nguyên đơn chị Lầu Thị T thuộc hộ nghèo có giấy chứng nhận hộ nghèo của Ủy ban nhân dân xã S và có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho nguyên đơn.

Tuyên quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Lầu Thị T, bà Mông Thu Thảo trình bày: Chị Lầu Thị T và anh Vừ A về chung sống như vợ chồng từ năm 1998. Sau đó được tuyên truyền của chính quyền địa phương đến ngày

26/07/2003 chị Lầu Thị T và anh Vừ A tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn chị Lầu Thị T và anh Vừ A chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do luôn bất đồng quan điểm sống, anh Vừ A có tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị Lầu Thị T và anh Vừ A đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả về tình cảm cũng như kinh tế. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết tuyên xử ly hôn cho chị Lầu Thị T và anh Vừ A.

Về án phí: Chị Lầu Thị T thuộc hộ nghèo có giấy chứng nhận hộ nghèo của Ủy ban nhân dân xã S và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho nguyên đơn chị Lầu Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và áp dụng pháp luật: Chị Lầu Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết "Ly hôn " đối với anh Vừ A có địa chỉ tại thôn Khu Chu P, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình giải quyết về nội dung khởi kiện. Nguyên đơn chị Lầu Thị T không tham gia hòa giải, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hoà giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị Lầu Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lầu Thị T có mặt, anh Vừ A vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh Vừ A và chị Lầu Thị T theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện: Chị Lầu Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vừ A.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lầu Thị T và anh Vừ A về chung sống như vợ chồng từ năm 1998. Sau đó được tuyên truyền của chính quyền địa phương đến ngày 26/07/2003 chị Lầu Thị T và anh Vừ A tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn chị Lầu Thị T và anh Vừ A chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do luôn bất đồng quan điểm sống, anh Vừ A có tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị Lầu Thị T và anh Vừ A đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả về tình cảm cũng như kinh tế. Ngày 04/04/2025 Tòa án đã ra thông báo yêu cầu nguyên đơn nộp chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, ngày 08/04/2025 nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án thu thập

chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, ngày 10/04/2025 Tòa án gặp ông Nguyễn Minh Hiếu công an xã S phụ trách thôn Khu Chu P được ông Nguyễn Minh Hiếu cho biết chị Lầu Thị T và anh Vừ A sinh sống tại thôn Khu Chu P thường xuyên sảy ra mâu thuẫn cãi vã, chính quyền địa phương đã nhiều lần đến hòa giải nhưng cuộc sống của anh chị vẫn không thay đổi. Như vậy tình cảm vợ chồng giữa chị Lầu Thị T và anh Vừ A đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lầu Thị T đối với anh Vừ A.

[2.2] Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống chị Lầu Thị T và anh Vừ A có 02 người con chung cháu Vừ H - sinh ngày 10/10/2000, cháu Vừ A Lừ - sinh ngày 04/04/2003. Các cháu đã đủ tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Lầu Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Lầu Thị T thuộc hộ nghèo có giấy chứng nhận hộ nghèo của Ủy ban nhân dân xã S và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy theo quy định tại Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án thì người khởi kiện chị Lầu Thị T được miễn án phí hôn nhân gia đình là phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho ly hôn giữa chị Lầu Thị T và anh Vừ A. Quan hệ hôn nhân của chị Lầu Thị T và anh Vừ A chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Chị Lầu Thị T thuộc hộ nghèo có giấy chứng nhận hộ nghèo của Ủy ban nhân dân xã S và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án thì người khởi kiện chị Lầu Thị T được miễn án phí hôn nhân gia đình.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lầu Thị T, anh Vừ A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh;
- VKS huyện BX
- THADS;
- UBND xã S
(nơi ĐKKH)2
- Các đương sự
- Người bảo vệ quyền và lợi ích
hợp pháp của nguyên đơn
- Lưu hs, tập QĐ

Đỗ Thị Thanh Hương